

**CÔNG TY
CỔ PHẦN VÀNG BẠC
ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007



CÔNG TY KIỂM TOÁN DTL

Thành viên của Horwath International

BẢN SAO

**CÔNG TY
CỔ PHẦN VÀNG BẠC
ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007



CÔNG TY KIỂM TOÁN DTL
Thành viên của Horwath International

Số: 08.194 /BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31/12/2007, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận (dưới đây gọi tắt là Công ty). Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2008



Chứng chỉ KTV số: Đ.0067/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

BÙI VĂN BÔNG

Chứng chỉ KTV số: 0177/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		901.136.512.591	364.423.827.449
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		180.476.705.109	23.159.650.502
1. Tiền	111	5.1	180.476.705.109	23.159.650.502
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.861.556.680	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	16.861.556.680	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	5.3	186.221.548.205	11.720.182.592
1. Phải thu khách hàng	131		18.777.305.837	5.317.739.533
2. Trả trước cho người bán	132		78.919.956.193	1.197.152.965
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		89.252.019.048	5.933.022.967
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(727.732.873)	(727.732.873)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	504.271.017.627	323.063.313.283
1. Hàng tồn kho	141		504.273.355.269	323.065.650.925
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.337.642)	(2.337.642)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	5.5	13.305.684.970	6.480.681.072
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.902.826.002	2.699.766.483
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.857.533.984	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.000.000	18.576.972
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.544.324.984	3.762.337.617

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: Đồng Việt-Nam

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		514.705.818.716	196.548.164.487
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		51.321.720.212	38.159.886.778
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	49.253.455.377	37.939.944.528
+ Nguyên giá	222		124.100.988.595	67.916.054.505
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(74.847.533.218)	(29.976.109.977)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	288.226.835	219.942.250
+ Nguyên giá	228		392.149.297	239.937.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(103.922.462)	(19.994.750)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	1.780.038.000	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	5.9	329.655.288.400	74.374.800.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.000.000.000	4.200.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		328.655.288.400	70.174.800.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<i>V. Lợi thế thương mại</i>	260	5.10	2.714.496.688	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	270		131.014.313.416	84.013.477.709
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	5.11	129.561.198.473	83.750.832.177
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		1.453.114.943	262.645.532
3. Tài sản dài hạn khác	278		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		1.415.842.331.307	560.971.991.936

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		449.013.816.934	441.720.097.318
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		380.825.365.680	436.677.383.795
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	284.872.535.805	321.624.022.841
2. Phải trả người bán	312	5.13	64.158.576.609	54.239.991.708
3. Người mua trả tiền trước	313	5.13	1.480.626.021	363.416.300
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	15.845.676.505	3.617.140.703
5. Phải trả người lao động	315		1.356.075.232	5.781.466.190
6. Chi phí phải trả	316		1.753.498.250	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	11.326.569.458	50.143.513.067
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		31.807.800	907.832.986
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		68.187.726.384	5.042.713.523
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.16	61.164.175.921	166.175.500
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.17	5.361.098.950	3.830.695.436
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		362.435	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		1.662.813.948	1.045.842.587
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		936.865.375.555	119.251.894.618
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410	5.18	928.746.833.338	118.434.590.053
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		525.000.000.000	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		11.113.518.929	974.897.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.775.885.965	2.085.575.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		21.310.965	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		88.836.117.479	15.374.118.053
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	430		8.118.542.217	817.304.565
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		8.118.542.217	817.304.565
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ	500	5.19	29.963.138.818	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.415.842.331.307	560.971.991.936

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của thuyết minh báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUỲ PHÚ NHUẬN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
- USD		7.555,63	3.424,26
- EUR		0,01	6,25
- SGD		174,30	174,30
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng


ĐẶNG THỊ LÀI

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2008

Tổng Giám đốc


CAO THỊ NGỌC DUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.395.503.437.664	1.801.913.350.652
2. Các khoản giảm trừ	02		15.868.261.734	13.123.231.718
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	2.379.635.175.930	1.788.790.118.934
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	2.177.499.663.010	1.618.936.674.276
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		202.135.512.920	169.853.444.658
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.2	54.519.052.631	46.841.386.617
7. Chi phí tài chính	22	6.4	25.541.948.148	103.075.179.699
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		23.670.855.391	16.539.934.743
8. Chi phí bán hàng	24		85.838.569.417	73.478.012.889
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		22.535.447.136	12.728.572.577
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		122.738.600.850	27.413.066.110
11. Thu nhập khác	31		7.959.882.077	7.091.706.676
12. Chi phí khác	32		148.242.244	332.275.385
13. Lợi nhuận khác	40		7.811.639.833	6.759.431.291
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		130.550.240.683	34.172.497.401
16.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành			16.528.148.816	4.286.337.858
16.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(990.716.764)	(262.645.532)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		115.012.808.631	30.148.805.075
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số			631.254.381	-
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			114.381.554.250	30.148.805.075
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			54.650	54.816

Kế toán trưởng

DẶNG THỊ LÀI



TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2008

Tổng Giám đốc

CAO THỊ NGỌC DUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		130.550.240.683	34.172.497.401
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	
Khấu hao tài sản cố định	02		9.430.281.550	6.832.961.890
Các khoản dự phòng	03		-	662.036.967
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(572.644.609)	(2.519.525)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(53.626.319.990)	39.852.867.484
Chi phí lãi vay	06		23.378.757.394	16.539.934.743
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<u>109.160.315.028</u>	<u>98.057.778.960</u>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(156.807.566.882)	8.375.602.680
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(134.688.839.031)	(85.337.193.567)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(29.912.439.929)	30.343.525.588
Tăng giảm chi phí trả trước	12		61.579.158.141	(33.637.785.350)
Tiền lãi vay đã trả	13		(22.744.911.528)	(14.631.144.933)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(7.003.519.504)	(2.316.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.832.565.570	274.237
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(7.809.796.490)	(23.268.418.583)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		<u>(185.395.034.625)</u>	<u>(22.413.360.968)</u>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(18.100.530.727)	(9.163.522.067)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		18.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(448.654.919.682)	(23.814.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		105.331.502.496	1.200.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		49.780.246.580	9.668.516.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<u>(311.625.701.333)</u>	<u>(22.109.006.067)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		868.698.165.631	45.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(110.500.000.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		743.919.523.367	555.033.800.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(833.330.532.872)	(507.486.950.304)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.899.596.000)	(32.934.990.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		653.887.560.126	59.611.859.696
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		156.866.824.168	15.089.492.661
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		23.601.030.961	8.067.638.316
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		8.849.980	2.519.525
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		180.476.705.109	23.159.650.502

Kế toán trưởng


ĐẶNG THỊ LÀI

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2008

Tổng Giám đốc


CAO THỊ NGỌC DUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của công ty

1.1. Tổng số công ty con

Số lượng các công ty con được hợp nhất Báo cáo tài chính gồm: 2 công ty như trình ở phần dưới đây

1.2. Danh sách các công ty con được hợp nhất

- Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina

Địa chỉ: 295/71 An Dương Vương, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ là 70%

Quyền biểu quyết của công ty mẹ là 70%

- Công ty cổ phần Năng Lượng Đại Việt

Địa chỉ: Dương Quang Hàm, phường 5, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ là 76,1%

Quyền biểu quyết của công ty mẹ là 76,1%

1.3. Danh sách các công ty liên kết

Công ty CP Đầu tư & Kinh doanh Vàng Quốc tế

Địa chỉ: 13 – 15 Phạm Ngũ Lão, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1

Quyền biểu quyết của công ty mẹ là 20%

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

▪ Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
+ Phương tiện vận tải	6 - 13 năm
+ Thiết bị văn phòng	3 - 11 năm
+ Tài sản cố định vô hình	3 - 5 năm

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay bằng vàng được ghi nhận theo giá bình quân tháng của vàng nhập tại thời điểm phát sinh khoản vay.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ là 1-3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp.

4.8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Nợ phải trả xác định nghĩa vụ hiện tại của doanh nghiệp khi doanh nghiệp nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế
Theo điều lệ hoạt động của Công ty.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Lợi thế thương mại

Tại thời điểm thụ đắc Công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất trong thời hạn là 3 năm.

4.12. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của niên độ này.

4.13. Thông tin khác

Báo cáo tài chính công ty TNHH Hong Vina cho niên độ kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2007 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	10.475.153.307	13.005.819.178
Tiền gửi ngân hàng	167.870.458.250	9.551.594.570
Tiền đang chuyển	2.131.093.552	602.236.754
Cộng	<u>180.476.705.109</u>	<u>23.159.650.502</u>

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Là khoản đầu tư 261.910 cổ phiếu của công ty CP Nhiên Liệu Sài Gòn (SFC).

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	18.777.305.837	5.317.739.533
Trả trước cho người bán	78.919.956.193	1.197.152.965
Các khoản phải thu khác	89.252.019.048	5.933.022.967
Dự phòng phải thu khó đòi	(727.732.873)	(727.732.873)
Giá trị thuần của phải thu	186.221.548.205	11.720.182.592

Các khoản phải thu phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	8.608.956.942	1.888.562
Nguyên liệu, vật liệu	65.661.985.086	38.607.363.573
Công cụ, dụng cụ	7.182.874.744	3.984.877.984
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	72.416.041.837	53.863.298.642
Thành phẩm	13.863.873.370	3.926.896.185
Hàng hoá	323.185.112.569	216.625.749.173
Hàng gửi đi bán	13.354.510.721	6.055.576.806
Cộng giá gốc hàng tồn kho	504.273.355.269	323.065.650.925
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.337.642)	(2.337.642)
Giá trị thuần có thể thực hiện	504.271.017.627	323.063.313.283

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	1.120.265.017	739.440.447
Chi phí trả trước ngắn hạn	5.902.826.002	2.699.766.483
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.857.533.984	-
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	1.000.000	18.576.972
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.424.059.967	3.022.897.170
Cộng	13.305.684.970	6.480.681.072

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Số dư đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số dư cuối kỳ
Nguyên giá				
Nhà cửa vật kiến trúc	14.970.638.188	7.160.099.469		22.130.737.657
Máy móc thiết bị	38.512.668.950	40.222.057.768		78.734.726.718
Phương tiện vận tải	11.179.748.866	3.723.051.235	166.912.501	14.735.887.600
Dụng cụ quản lý	3.252.998.501	5.143.258.119		8.396.256.620
Tài sản cố định khác	-	103.380.000		103.380.000
Cộng	67.916.054.505	56.351.846.591	166.912.501	124.100.988.595
Giá trị hao mòn				
Nhà cửa vật kiến trúc	4.340.597.385	5.513.804.705	-	9.854.402.090
Máy móc thiết bị	18.368.273.550	35.684.380.708	-	54.052.654.258
Phương tiện vận tải	5.534.504.399	2.029.112.150	159.483.908	7.404.132.641
Dụng cụ quản lý	1.732.734.643	1.803.609.586	-	3.536.344.229
Tài sản cố định khác	-	-	-	-
Cộng	29.976.109.977	45.030.907.149	159.483.908	74.847.533.218
Giá trị còn lại				
Nhà cửa vật kiến trúc	10.630.040.803			12.276.335.567
Máy móc thiết bị	20.144.395.400			24.682.072.460
Phương tiện vận tải	5.645.244.467			7.331.754.959
Dụng cụ quản lý	1.520.263.858			4.859.912.391
Tài sản cố định khác	-			103.380.000
Cộng	37.939.944.528			49.253.455.377

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Số dư đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số dư cuối kỳ
Nguyên giá				
Nhãn hiệu hàng hoá	-	96.000.000	-	96.000.000
Bản quyền Oracle	239.937.000	-	-	239.937.000
Phần mềm máy tính	-	56.212.297	-	56.212.297
Cộng	239.937.000	152.212.297	-	392.149.297
Giá trị hao mòn				
Nhãn hiệu hàng hoá	-	17.600.000	-	17.600.000
Bản quyền Oracle	19.994.750	47.987.400	-	67.982.150
Phần mềm máy tính	-	18.340.312	-	18.340.312
Cộng	19.994.750	83.927.712	-	103.922.462

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Giá trị còn lại

Nhãn hiệu hàng hoá	-	78.400.000
Bản quyền Oracle	219.942.250	171.954.850
Phần mềm máy tính	-	37.871.985
Cộng	219.942.250	288.226.835

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Xây dựng cơ bản tại chi nhánh Bình Dương	1.150.000.000	-
Thiết kế xây dựng văn phòng	188.181.818	-
Lắp đặt 4 máy kiểm tra thủy lực	185.531.800	-
Công trình chi nhánh Tây Nguyên (Công ty CP Năng lượng Đại Việt)	256.324.382	-
Cộng	1.780.038.000	-

5.9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết (a)	1.000.000.000	4.200.000.000
Đầu tư dài hạn khác (b)	328.655.288.400	70.174.800.000
Cộng	329.655.288.400	74.374.800.000

(a) Là khoản đầu tư vào công ty CP Đầu tư & Kinh doanh Vàng Quốc tế với số tiền 1.000.000.000 đồng, tương đương 100.000 cổ phần phổ thông.

(b) Bao gồm các khoản đầu tư đến 31/12/2007 vào các đơn vị sau:

- Đầu tư vào Ngân hàng TMCP Đông Á với số tiền 169.399.913.400 đồng, tương đương 56.906 cổ phần phổ thông

- Đầu tư vào công ty M&C với số tiền 65.380.375.000 đồng, tương đương 2.615.215 cổ phần phổ thông

- Đầu tư vào Khách sạn Quê hương với số tiền 37.500.000.000 đồng, tương đương 500.000 cổ phần phổ thông

- Đầu tư vào công ty Cổ phần Kinh Đô với số tiền 23.000.000.000 đồng, tương đương 200.000 cổ phần phổ thông.

- Đầu tư vào công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á với số tiền 18.200.000.000 đồng, tương đương 1.820.000 cổ phần phổ thông.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Đầu tư vào công ty Cổ phần Hải sản Sài Gòn với số tiền 14.700.000.000 đồng, tương đương 1.470.000 cổ phần phổ thông.

- Đầu tư trái phiếu với số tiền 475.000.000 đồng.

5.10. Lợi thế thương mại

Là khoản lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina. Khoản lợi thế thương mại này phân bổ trong vòng 3 năm.

5.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí thuê nhà dài hạn	2.673.536.220	3.535.563.106
Vỏ bình gas	126.887.662.253	80.215.269.071
Cộng	129.561.198.473	83.750.832.177

5.12. Vay và nợ ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn (*)	282.391.560.125	320.388.110.750
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.480.975.680	1.235.912.091
Cộng	284.872.535.805	321.624.022.841

(*) Bao gồm các khoản sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Ngân hàng TMCP Á Châu (a)	124.881.605.400	110.331.795.108
Ngân hàng TMCP Đông Á (b)	109.977.644.630	103.324.217.958
Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT Việt Nam (c)	43.111.334.560	20.935.167.900
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	-	55.078.419.996
Vay cá nhân (huy động vốn)	4.420.975.535	30.718.509.788
Cộng	282.391.560.125	320.388.110.750

(a) Là khoản vay theo hợp đồng số 33389969 ngày 28 tháng 12 năm 2007, hạn mức tín dụng là 400.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 4,46%/năm. Số dư nợ vay đến 31/12/07 là 124.881.605.400 đồng tương đương 89.630 chỉ vàng SJC 999.9.

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Tài sản bảo đảm:

- 298 cổ phiếu ghi tên (14.900 cổ phần) do Ngân hàng TMCP Đông Á phát hành thuộc sở hữu của Công ty, mệnh giá 2.000.000 đồng/cổ phần, tổng giá trị theo thoả thuận 171.350.000.000 đồng.
- 30 cổ phiếu ghi tên (1.500 cổ phần) do Ngân hàng TMCP Đông Á phát hành thuộc sở hữu của Công ty, mệnh giá 2.000.000 đồng/cổ phần, tổng giá trị theo thoả thuận 17.250.000.000 đồng.
- 434 cổ phiếu ghi tên (21.600 cổ phần) do Ngân hàng TMCP Đông Á phát hành thuộc sở hữu của Công ty, mệnh giá 2.000.000 đồng/cổ phần, tổng giá trị theo thoả thuận 248.400.000.000 đồng.

(b) Bao gồm các khoản vay của các công ty sau:

- Khoản vay của Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận là 96.977.644.630 đồng, được chi tiết như sau:

Khoản vay theo hợp đồng số H.0038 ngày 30 tháng 01 năm 2007, hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 0,4%/tháng. Số dư nợ vay đến 31/12/07 là 21.560 chỉ vàng SJC 999,9.

Khoản vay theo hợp đồng số H.0046 ngày 20 tháng 09 năm 2007, hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 4,8%/năm. Số dư nợ vay đến 31/12/07 là 42.630 chỉ vàng SJC 999,9.

Các khoản vay trên là là vay tín chấp.

- Khoản vay của Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina là 13.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc bảo lãnh thanh toán của Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận.

(c) Là khoản vay theo hợp đồng số 1700-LAV-200500296 ngày 05 tháng 01 năm 2007, hạn mức tín dụng là 60.000.000.000 đồng. Số dư nợ vay đến 31/12/07 là 43.111.334.560 đồng tương đương 27.800 chỉ vàng SJC 999,9.

Hình thức đảm bảo nợ vay: Cho vay có bảo đảm một phần bằng tài sản là cầm cố cổ phiếu của Ngân hàng Đông Á theo Hợp đồng cầm cố chứng từ có giá số 1700-LCP-200600476. Tài sản cầm cố là 2.500 cổ phiếu ghi tên, mệnh giá 2.000.000 đồng/cổ phiếu.

5.13. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

		Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	(*)	64.158.576.609	54.239.991.708
Người mua trả tiền trước		1.480.626.021	363.416.300
Cộng		<u>65.639.202.630</u>	<u>54.603.408.008</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

(*) Các khoản phải trả người bán phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	4.128.125.915	1.550.577.180
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.476.308.514	1.971.438.929
Thuế thu nhập cá nhân	209.734.759	78.308.594
Các loại thuế khác	7.279.395	-
Các khoản phí, lệ phí	24.227.922	16.816.000
Cộng	15.845.676.505	3.617.140.703

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Bảo hiểm xã hội	145.385.923	12.183.446
Kinh phí công đoàn	968.988.343	596.796.610
Các khoản phải trả khác	10.212.195.192	49.534.533.011
Cộng	11.326.569.458	50.143.513.067

5.16. Phải trả dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả dài hạn của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	166.175.500	166.175.500
Phải trả dài hạn của Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt (*)	60.998.000.421	-
Cộng	61.164.175.921	166.175.500

(*) Là khoản phải trả tiền đặt cọc vỏ bình gas cho khách hàng

5.17. Các khoản vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Ngân hàng TMCP Đông Á (*)	3.611.298.950	3.830.695.436
Ngân hàng TMCP Á Châu (**)	1.749.800.000	-
Cộng	5.361.098.950	3.830.695.436

(*) Bao gồm các khoản vay sau:

(a) Vay bằng tiền VND là 637.573.381 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Khoản vay theo hợp đồng số H.185/12 ngày 12 tháng 07 năm 2006, hạn mức tín dụng là 646.537.815 đồng, thời hạn vay là 5 năm, lãi suất 1,15%/tháng. Số dư nợ vay đến 31/12/07 là 463.737.815 đồng, nợ dài hạn đến hạn trả 120.000.000 đồng.

Khoản vay theo hợp đồng số H.186/12 ngày 21 tháng 07 năm 2006, hạn mức tín dụng là 594.235.566 đồng, thời hạn vay là 5 năm, lãi suất 1,15%/tháng. Số dư nợ vay đến 31/12/07 là 423.435.566 đồng, nợ dài hạn đến hạn trả 129.600.000 đồng.

Hình thức đảm bảo nợ vay: Là tài sản hình thành từ vốn vay gồm máy móc thiết bị sản xuất nữ trang dây chuyền và kiểm định kim cương, tổng trị giá 5.178.850.000 đồng.

(b) Vay bằng ngoại tệ tương đương 2.973.725.569 đồng

Khoản vay theo hợp đồng số H.0164/32 ngày 12 tháng 07 năm 2006, hạn mức tín dụng là 100.000,00 EUR, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất 6,5%/năm. Số dư nợ vay đến 31/12/07 là 53.260,00 EUR, nợ dài hạn đến hạn trả là 469.978.080 đồng tương đương 20.040,00 EUR. Tài sản đảm bảo nợ vay là lô hàng máy bảo nhập khẩu hình thành từ vốn vay trị giá 112.424,00 EUR tương đương 1.785.068.000 đồng.

Khoản vay theo hợp đồng số H.0195/32 ngày 30 tháng 10 năm 2006, hạn mức tín dụng là 125.000,00 EUR, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất 7,5%/năm. Số dư nợ vay đến 31/12/07 là 95.838,00 EUR, nợ dài hạn đến hạn trả là 586.206.192 đồng tương đương 23.452,00 EUR.

Khoản vay theo hợp đồng số H.0194/32 ngày 23 tháng 10 năm 2006, hạn mức tín dụng là 54.360,00 USD, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất 7,5%/năm. Số dư nợ vay đến 31/12/07 là 41.676,00 USD, nợ dài hạn đến hạn trả là 175.191.408 đồng tương đương 10.872,00 USD.

Các khoản vay theo hợp đồng H.0195/32, H.0194/32 được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay gồm máy móc thiết bị sản xuất nữ trang dây chuyền và kiểm định kim cương. Tổng trị giá 5.178.850.000 đồng (chung tài sản với hợp đồng H.185/12, H.186/12)

(**) Khoản vay theo hợp đồng số 2837549 ngày 07 tháng 09 năm 2007, hạn mức tín dụng là 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất 1,0%/tháng. Số dư nợ vay đến 31/12/07 là 2.749.800.000 đồng, nợ dài hạn đến hạn trả là 1.000.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm: Toàn bộ hệ thống máy chủ server và các thiết bị vi tính kèm theo thuộc quyền sở hữu của Công ty PNJ, trị giá 3.322.153.394 đồng.

(phần tiếp theo trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.18. Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Số dư đầu kỳ	Tăng	Giảm	31/12/07
▪ Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	200.000.000.000	-	300.000.000.000
▪ Thặng dư vốn cổ phần	-	645.000.000.000	120.000.000.000	525.000.000.000
▪ Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	3.206.309.909	3.206.309.909	-
▪ Quỹ đầu tư phát triển	974.897.000	10.138.621.929	-	11.113.518.929
▪ Quỹ dự phòng tài chính	2.085.575.000	1.690.310.965	-	3.775.885.965
▪ Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	21.310.965	-	21.310.965
▪ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.374.118.053	114.381.554.250	40.919.554.824	88.836.117.479
Cộng	118.434.590.053	974.438.108.018	164.125.864.733	928.746.833.338

b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	300.000.000.000	100.000.000.000
Cộng	300.000.000.000	100.000.000.000

(phần tiếp theo trang 24)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
▪ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	55.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	200.000.000.000	45.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	300.000.000.000	100.000.000.000
▪ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	16.800.000.000	48.900.000.000

d. Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	1.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Cộng	3.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Cộng	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	1.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Cộng:	3.000.000	1.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 100.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Cuối năm	Đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	11.113.518.929	974.897.000
Quỹ dự phòng tài chính	3.775.885.965	2.085.575.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	21.310.965	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	8.118.542.217	817.304.565
Cộng	23.029.258.076	3.877.776.565

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.19. Lợi ích của Cổ đông thiểu số

	Cuối năm	Đầu năm
Lợi ích của Cổ đông thiểu số công ty TNHH Hong Vin	6.216.768.474	-
Lợi ích của Cổ đông thiểu số công ty CP Năng lượng Đại Việt	23.746.370.344	-
Cộng	29.963.138.818	-

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu tại Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (*)	2.233.583.617.350	1.801.913.350.652
Doanh thu tại Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	20.497.386.434	-
Doanh thu tại Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt	141.422.433.880	-
Hàng bán bị trả lại	(1.010.004.501)	(482.343.630)
Giảm giá hàng bán	(3.615.917)	(6.559.000)
Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	(14.854.641.316)	(12.634.329.088)
Doanh thu thuần	2.379.635.175.930	1.788.790.118.934

(*) Được chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán vàng	1.389.434.693.697	1.115.818.661.968
Doanh thu bán gas, phụ kiện	247.787.286.515	285.225.092.233
Doanh thu bán đá quý	432.189.487.736	261.083.415.642
Doanh thu bán xe, phụ tùng	76.119.996.905	66.689.416.734
Doanh thu bán bạc	53.102.464.877	48.566.524.887
Doanh thu gia công	29.743.373.319	20.789.382.888
Doanh thu dịch vụ, doanh thu khác	5.206.314.301	3.740.856.300
Cộng	2.233.583.617.350	1.801.913.350.652

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.234.961.000	8.940.976.000
Lãi kinh doanh chứng khoán	36.963.059.080	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.321.032.551	37.900.410.617
Cộng	54.519.052.631	46.841.386.617

6.3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (*)	2.028.398.743.796	1.618.936.674.276
Giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	17.393.405.477	-
Giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt	131.707.513.737	-
Cộng	2.177.499.663.010	1.618.936.674.276

(*) Được chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán vàng	1.324.779.635.792	1.034.024.615.613
Giá vốn bán gas, phụ kiện	231.529.270.229	265.003.743.030
Giá vốn bán đá quý	354.377.506.798	218.362.689.870
Giá vốn bán xe, phụ tùng	72.385.373.610	63.296.783.896
Giá vốn bán bạc	25.119.228.593	25.405.708.963
Giá vốn gia công	20.207.728.774	12.843.132.904
Cộng	2.028.398.743.796	1.618.936.674.276

6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	23.670.855.391	16.539.934.743
Lỗ chênh lệch tỷ giá	65.507.594	86.535.244.956
Chi phí tài chính khác	1.805.585.163	-
Cộng	25.541.948.148	103.075.179.699

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.5. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.578.861.463.152	1.132.561.690.485
Chi phí nhân công	55.415.825.168	48.137.415.925
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.430.281.550	6.832.961.890
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.904.271.823	18.462.908.652
Chi phí khác bằng tiền	11.219.601.278	28.358.402.740
Cộng	1.705.831.442.971	1.234.353.379.692

7. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện nào quan trọng sau ngày kết thúc niên độ đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất năm 2007.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc vào ngày 31/12/2007 đã được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 22/04/2008.

Kế toán trưởng

Đặng Thị Lại

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2008

Tổng Giám đốc



Cao Thị Ngọc Dung

